

# Nguồn gốc và ý nghĩa của lá cờ Phật giáo

Hoang Phong



Phật giáo là một tôn giáo khiêm tốn, chú trọng vào tâm linh và trí tuệ, nhắm vào mục đích giải thoát con người khỏi thế giới biến động và khổ đau. Phật giáo không chủ trương tranh giành uy quyền, củng cố thế lực hay bành trướng ảnh hưởng trong thế giới *Vô thường* này. Phật giáo cũng không xem nặng hình thức màu mè và biểu tượng, như vậy thì lá cờ Phật giáo giữ vai trò gì và vị trí của nó như thế nào trong bối cảnh của Đạo Phật ngày nay. Suốt hơn hai ngàn năm trăm năm lịch sử Đạo Pháp, lá cờ Phật giáo đã xuất hiện từ lúc nào và ở đâu, ý nghĩa của nó là gì ?

## Nguồn gốc lá cờ Phật giáo

Lá cờ Phật giáo mà ta thấy ngày nay ra đời vào năm 1880 ở Tích Lan (Sri Lanka). Người có ý kiến mang đến cho Phật giáo một lá cờ là một cựu đại tá quân đội Mỹ : Ông Henry Steel Olcott.

Đặt chân đến Tích Lan lần đầu tiên vào năm 1879, ngay sau đó ông Olcott đã hết sức say mê Phật giáo. Năm 1880 ông trở lại Tích lan và trình lên Ủy ban Phật giáo Colombo đề nghị tạo cho Phật giáo một lá cờ. Hình thức và màu sắc của lá cờ xuất phát từ trí sáng tạo của ông Olcott, dựa vào sáu vòng hào quang của đức Phật và các màu sắc của cầu vòng. Lá cờ cũng tượng trưng cho Lục đạo, tức sáu đường tái sinh hay sáu thể dạng của tất cả chúng sinh trong cõi luân hồi.

Lá cờ được chính thức chấp nhận trên đất Tích lan vào dịp lễ Phật đản ngày 28 tháng 4 năm 1885. Tuy nhiên mãi đến ngày 25 tháng 5, năm 1950, trong lần hội nghị Phật giáo quốc tế ở thủ đô Colombo (Tích lan), với 26 quốc gia tham dự, thì lá cờ ngũ sắc mới được chính thức và nhất trí chấp nhận, nói lên sự thống nhất của Phật giáo thế giới.

Ngày nay, một lá cờ chung cho toàn thể Phật giáo - biểu tượng của Hòa bình, Từ bi và Trí tuệ, không phân biệt màu da và chủng tộc, không phân biệt giữa con người và tất cả những sự sống khác - đã phát phối trên lãnh thổ của hơn 50 quốc gia trên thế giới. Ngày 24 tháng 2 năm 1951, tỳ kheo Thích Tô Liên, đại diện Ủy ban Phật giáo thế giới tại Việt Nam, đi dự hội nghị Colombo đã đích thân mang lá cờ quý báu này về cho quê hương chúng ta.

## Hình thức lá cờ

Lá cờ hình chữ nhật, chia đều thành sáu phần theo chiều dọc. Màu sắc gồm các màu của cầu vồng, nhưng chỉ có năm màu được chọn : xanh dương, vàng nhạt, đỏ, trắng, cam (hay vàng nghệ), sọc thứ sáu của lá cờ tượng trưng cho sự tổng hợp của các màu vừa kể. Vì thế, sọc thứ sáu lặp lại tất cả năm màu, nhưng xếp theo chiều ngang.

Lời đề nghị nguyên thủy của ông H.S. Olcott giải thích về lá cờ này không tìm thấy, tuy nhiên văn bản giải thích hay tờ phác họa lá cờ của ông Olcott có thể vẫn còn được lưu giữ trong văn khố của Tích lan (?). Bài viết này do đó chỉ dựa vào một số tư liệu Tây phương. Rất tiếc là trong các tài liệu này thì cách giải thích về màu sắc có vẻ kém mạch lạc hoặc dùng những từ không phù hợp với Đạo Pháp cho lắm. Ý nghĩa tượng trưng các màu sắc dựa theo các tài liệu ấy có thể được tóm lược như sau :

- 1) Màu xanh dương tượng trưng cho « Thiên định ».
- 2) Màu vàng nhạt tượng trưng cho sự « suy nghĩ đúng », có thể là « *Chính tư duy* » (?) trong *Bát chính đạo*.
- 3) Màu đỏ tượng trưng cho « sinh lực tâm linh » (?).
- 4) Màu trắng tượng trưng cho « đức tin » (?).
- 5) Màu cam hay màu nghệ tượng trưng cho « trí thông minh » (?), cũng có thể đây là « *Trí tuệ* » (?).
- 6) Màu thứ sáu, tổng hợp của các màu vừa kể, tượng trưng cho « hành vi không kỳ thị ».

Các tài liệu trên đây cũng có thể đã được căn cứ vào các lời đề nghị của ông Olcott (?). Dù sao thì lá cờ cũng chỉ là một biểu tượng, và ý nghĩa mà ta gán cho nó là do nơi chúng ta. Ý nghĩa của lá cờ sẽ được đề cập rộng hơn trong phần thứ hai của bài viết.

## Henry Steel Olcott là ai ?

H.S. Olcott thực ra cũng không phải là một người hoàn toàn vô danh. Ông sinh ngày 2 tháng 8 năm 1832 tại New Jersey (Hoa kỳ) trong một gia đình Tin lành rất kỷ cương và ngoan đạo. Ngay từ ngày còn nhỏ, cha mẹ ông đã khuyến khích ông quan tâm đến những vấn đề tâm linh. Cha của ông là một thương gia, nhưng vào năm 1951 thì gia đình bị phá sản và ông phải rời bỏ nhà trường. Sau một thời gian gián đoạn học hành và sống nhờ họ hàng ở tiểu bang Ohio, ông trở lại đại học và trở thành một chuyên gia canh nông. Ông viết báo và khảo cứu khoa học. Lấy vợ năm 1860, sinh được bốn con, nhưng sau đó thì hai vợ chồng lại ly dị vào năm 1874.

Khi cuộc nội chiến ở Mỹ bùng nổ thì ông gia nhập quân đội liên bang, giữ những chức vụ hành chính khá quan trọng. Đến năm 1865, ông xuất ngũ và quay ra học luật rồi trở thành luật sư và lại tiếp tục viết báo.



Ông Henry Steel OLCOOTT (1832-1907)

Năm 1874 đánh dấu một khúc quanh lớn trong cuộc đời của ông. Năm đó đã 42 tuổi, sau khi ly dị vợ, ông gặp một người phụ nữ rất lạ lùng và đặc biệt và hai người kết bạn với nhau. Đó là bà Helene Petrovna Blavatsky, một phụ nữ gốc người Nga, thuộc một gia đình thật quý phái – có lẽ còn quý phái hơn cả gia đình của Nga hoàng lúc bấy giờ. Bà rất quan tâm đến những vấn đề thần bí, đã từng chu du nhiều nơi trên thế giới, kể cả Ấn độ và Tây tạng và viết khá nhiều sách. Bà Blavatsky và ông Olcoott cùng với một người bạn nữa là William Quan Judge đứng ra thành lập hội Thông thiên học, một truyền thống bao gồm tất cả các tôn giáo. Ông Olcoott được bầu làm chủ tịch của hội này.



Bà Helene Petrovna BLAVATSKY (1831-1891)

Năm 1878, trụ sở chính của hội Thông thiên học được chuyển từ Mỹ về Adyar, một vùng ngoại ô của tỉnh Madras ở Ấn độ. Trụ sở này vẫn còn hoạt động cho đến ngày nay. Tuy nhiên điều đáng nêu lên hơn hết là khi ông Olcoott và bà Blavatsky đến Tích lan ngày 16 tháng 5, năm 1880 thì họ được dân chúng thủ đô Colombo tiếp đón rất trọng thể vì họ đã được nghe danh ông từ trước. Ngày 25 tháng 5, ông Olcoott và bà Blavatsky đã đến quỳ gối trước một tượng Phật khổng lồ tại đền Wijananda và xướng lên bằng tiếng Pa-li những câu thệ nguyện về *Tam quy* (quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng) và *Ngũ giới* (không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói xằng bậy, không say sưa), để xin được quy y.

Dur luận thời bấy giờ thường gán cho ông cái biệt danh là người « Phật tử da trắng ». Thật vậy ông là một trong những người Mỹ đầu tiên đã quy y. Sau đó, mặc dù ông đến Tích lan nhiều lần và mỗi lần chỉ lưu lại trong một thời gian ngắn, ông đã thành lập được nhiều trường đại học Phật giáo, chẳng hạn như các Đại học Ananda và Nalanda, các trường Cao đẳng Phật học Dharmaraja và Visakha Vidyalaya..., tổng cộng gần 400 trường Phật học. Ông giúp người Tích lan phục hồi truyền thống Phật giáo, chống lại ảnh hưởng ngoại lai do thực dân Anh du nhập vào Tích lan. Ngoài ra ông lại còn cổ động cả phong trào chống lại thực dân Anh trên phần đất này. Tháng 7 năm 1880, ông rời Colombo như một vị anh hùng dân tộc của Tích lan. Sau đó ông quay trở lại vào những năm 1881, 1882 và 1884. Năm 1884, khi rời Tích lan ông đi thẳng đến Luân đôn và đòi chính quyền Anh phải thực thi sáu điều khoản ông đưa ra trong mục đích bênh vực người Phật giáo Tích lan bị ức hiếp và bị hạn chế sinh hoạt Phật sự ngay trên chính quê hương của họ. Chính quyền Anh quốc chỉ chấp nhận hai điều khoản mà thôi. Kể lại những tình tiết trên đây, người viết chỉ nhắm duy nhất vào mục đích trình bày nhiệt tâm của ông Olcoott đối với Đạo Phật nói chung và đối với người dân Phật giáo Tích lan nói riêng mà thôi. Chẳng những ông có công bênh vực và giúp hồi phục nền Phật giáo Tích lan mà lại còn mở đường cho Phật giáo trên đất Mỹ nữa.



Ông H. S. Olcoott và Ngài Sumangala, một vị cao tăng Tích lan trong Ủy ban Phật giáo Colombo

Ông mất ngày 17 tháng 2 năm 1907 tại Adyar. Người ta đã đắp lên người ông một lá cờ Mỹ và một lá cờ Phật giáo rồi mang đi hỏa táng. Từ đó đến nay, 17 tháng 2 đã trở thành một ngày lễ của Tích lan. Học sinh, sinh viên, Phật tử cùng với các nhà sư cầm cờ Phật giáo đi diễu hành, đặt vòng hoa và lễ vật dưới chân đài tưởng niệm ghi nhớ công đức của ông. Ngày nay, một đường phố lớn ở Colombo thủ đô Tích lan vẫn còn mang tên ông.

## Ý nghĩa của lá cờ Phật giáo

Cách giải thích các màu sắc của lá cờ như đã trình bày trong phần trên đây dựa vào một vài tài liệu bằng Pháp ngữ. Trong một số tài liệu bằng Anh ngữ thì cách giải thích có khác hơn đôi chút, tuy vẫn thiếu mạch lạc và không thống nhất. Sau đây là cách giải thích thường thấy :

- 1) Màu xanh dương tượng trưng cho *Từ bi*.
- 2) Màu vàng tượng trưng cho *Trung đạo*.
- 3) Màu đỏ tượng trưng cho *Đạo đức*.
- 4) Màu trắng tượng trưng cho *Đạo Pháp* vượt ra khỏi không gian và thời gian.
- 5) Màu cam tượng trưng cho *Trí tuệ*.
- 6) Màu tổng hợp (màu thứ sáu) tượng trưng cho *Sự thật* tuyệt đối.

Vì lý do có nhiều khác biệt trong ý nghĩa tượng trưng của màu sắc như đã trình bày, chúng ta cũng không nên quá chú trọng và câu nệ vào cách giải thích từng màu. Chúng ta hãy xem lá cờ Phật giáo tượng trưng cho ánh hào quang của Phật là đủ. Kinh sách kể rằng khi đức Phật đạt được Giác ngộ dưới gốc cây Bồ đề thì thân của Ngài trở nên sáng ngời, tia sáng tỏa rộng trên đầu tạo thành một hào quang sáu màu rạng rỡ.

Lá cờ được chia thành sáu phần hay sáu sọc theo chiều dọc, tượng trưng cho sáu thể dạng của chúng sinh, tức *Lục thú* hay *Lục đạo* (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, A-tu-la và thiên). Sọc thứ sáu, tổng hợp của năm màu, tượng trưng cho sự hòa đồng, không phân biệt giữa tất cả chúng sinh. Chẳng những lá cờ Phật giáo không mang tính cách kỳ thị về quốc tịch, màu da và chủng tộc giữa con người, mà còn chủ trương tôn trọng và hòa đồng tất cả mọi hình thức và dạng thể của sự sống.

Ta cũng có thể xem lá cờ Phật giáo là ánh sáng của cầu vồng. Màu sắc trên lá cờ là màu sắc của cầu vồng. Đối với Phật giáo Tây tạng, cầu vồng tượng trưng cho *Báo thân* (Sambhogakaya), tức hiện thân của Phật, hình tướng của Phật.

Sau hết, tất cả mọi người đều tìm thấy một chút màu cờ của quốc gia mình trên lá cờ ngũ sắc của Phật giáo. Lá cờ Phật giáo không dương lên để phân định hay đánh dấu một lãnh thổ nào cả, nó chỉ có thể kéo lên ở một nơi thật rộng lớn, một giang sơn không biên giới, vượt khỏi mọi sự tranh giành. Giang sơn đó là giang sơn của Từ bi và rộng lượng, của yêu thương và hy vọng. Giang sơn đó rộng lớn và mênh mông như không gian.

Lá cờ Phật giáo cũng không tượng trưng cho một chủ thuyết hay một niềm kiêu hãnh nào cả. Lá cờ Phật giáo là biểu tượng của Hoà bình, không hề nhuốm một giọt máu nào, dù là giọt máu của một sinh vật nhỏ nhoi và tầm thường nhất. Lá cờ Phật giáo được kéo lên để nhắc nhở chúng ta hãy hy sinh tất cả cho sự an vui và hạnh phúc của nhân loại và tất cả chúng sinh.

Lá cờ ấy cũng không kêu gọi và không khích động ta phải xông lên để đương đầu với một kẻ thù nào cả. Đối với người Phật tử, thì kẻ thù nguy hiểm và khó chế ngự nhất là kẻ thù đang ngự trị trong tâm thức của mình, đang ẩn nấp trong thân xác của chính mình. Kẻ thù ngự trị trong tâm thức là *Vô minh*, hận thù, tham lam và bám níu ; kẻ thù ẩn nấp trong thân xác là những bản năng thú tính của chính mình.

## **Kết luận**

Một lá cờ nói chung, thực ra chỉ là một biểu tượng và ta có thể gán cho nó bất cứ một ý nghĩa nào ta muốn. Đối với lá cờ Phật giáo, rất có thể ta cũng nhìn thấy nó mang nhiều màu sắc vui mắt và xem nó như một vật trang trí ở cổng chùa, trước cửa nhà hay trên bàn thờ Phật.

Tuy nhiên biết đâu rằng, đến một lúc nào đó khi ta ngược nhìn lá cờ Phật giáo thì tâm thức ta bỗng nhiên sẽ bừng lên ánh hào quang của Phật, rạng rỡ và muôn màu.

Khi nhìn thấy lá cờ đột nhiên ta sẽ đồng loạt quán nhận được tất cả sáu thể dạng của chúng sinh : từ ngựa quỷ, quỷ đói đến súc sinh, từ con người đến thánh nhân và thiên nhân, không mấy may phân biệt, ghét bỏ, hận thù hay ganh tỵ. Tất cả chúng sinh và chính ta đều đang quờ quạng trong bóng đêm, như đang bước đi trong một giấc mộng du. Bỗng nhiên tâm thức ta bị khích động mãnh liệt bởi lòng Từ bi vô biên và ta ước mong được gieo rắc tình thương trên khắp sáu nẻo của luân hồi.

Hoặc cũng có thể khi nhìn lên lá cờ Phật giáo, tâm thức ta bỗng thấy cả một cầu vồng chan hòa ánh sáng nối liền tâm thức của mình với tâm thức của Phật.

Chỉ khi nào đạt được như thế thì có lẽ khi ấy ta mới mong có đủ sức mạnh để hiểu được hết ý nghĩa thật sự của lá cờ Phật giáo.

**Bures-Sur-Yvette (Pháp quốc) 20.05.07**